

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 5 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mộng L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng L trình bày:

Bà và ông Võ Văn Đ quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 04/7/2008 (nay là Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang). Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 5/2022 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ không quan tâm, chăm sóc gia đình và không phụ giúp bà làm ăn để phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt. Từ đó không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn được nên bà làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Đ.

Về con chung: Bà Bùi Thị Mộng L và ông Võ Văn Đ có 03 con chung tên Võ Tuấn K (nam) sinh ngày 03/02/2006, Võ Thị Thảo M (nữ) sinh ngày 06/01/2009 và Võ Trâm A (nữ) sinh ngày 01/8/2012. Hiện các con chung đang sống chung với bà Bùi Thị Mộng L, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng ba cháu và không yêu cầu ông Võ Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết .

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Võ Văn Đ dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Võ Văn Đ đối với vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho bà Bùi Thị Mộng L được ly hôn với ông Võ Văn Đ; Về con chung: Giao 03 con chung tên Võ Tuấn K (nam) sinh ngày 03/02/2006, Võ Thị Thảo M (nữ) sinh ngày 06/01/2009 và Võ Trâm A (nữ) sinh ngày 01/8/2012 cho bà Bùi Thị Mộng L tiếp tục nuôi dưỡng, bà Bùi Thị Mộng L không yêu cầu ông Võ Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Võ Văn Đ không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tách ra không xem xét giải quyết, nếu sau này ông Võ Văn Đ có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Mộng L và ông Võ Văn Đ sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 04/7/2008 (nay là Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang). Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn Đ và yêu cầu giải quyết con chung; Ông Võ Văn Đ có địa chỉ cư trú tại Ấp A, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa bà Bùi Thị Mộng L và ông Võ Văn Đ được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 04/7/2008 (nay là Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà L và ông Đ phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5/2022 không thể giải quyết được, bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ không quan tâm, chăm sóc gia đình và không phụ giúp bà làm ăn để phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông Đ dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông Đ, cho thấy hôn nhân của bà L và ông Đ đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà L được ly hôn với ông Đ.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà Bùi Thị Mộng L và ông Võ Văn Đ có 03 con chung tên Võ Tuấn K (nam) sinh ngày 03/02/2006, Võ Thị Thảo M (nữ) sinh ngày 06/01/2009 và Võ Trâm A (nữ) sinh ngày 01/8/2012. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/4/2023, cả ba cháu Võ Tuấn K, Võ Thị Thảo M và Võ Trâm A đều trình bày ý chí nguyện vọng của mình là sau khi bố mẹ ly hôn, các cháu muốn được

sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của các cháu, giao 03 con chung tên Võ Tuấn K (nam) sinh ngày 03/02/2006, Võ Thị Thảo M (nữ) sinh ngày 06/01/2009 và Võ Trâm A (nữ) sinh ngày 01/8/2012 cho bà Bùi Thị Mộng L tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông Võ Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Văn Đ không ai được quyền cản trở.

[3.3] Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng L trình bày không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên quá trình tố tụng Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Võ Văn Đ. Do đó, để bảo vệ quyền lợi của ông Võ Văn Đ, Hội đồng xét xử tách ra không xem xét giải quyết, nếu sau này ông Võ Văn Đ có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Bùi Thị Mộng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Mộng L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Bùi Thị Mộng L được ly hôn với ông Võ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Võ Tuấn K (nam) sinh ngày 03/02/2006, Võ Thị Thảo M (nữ) sinh ngày 06/01/2009 và Võ Trâm A (nữ) sinh ngày 01/8/2012 cho bà Bùi Thị Mộng L tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Bùi Thị Mộng L không yêu cầu ông Võ Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Văn Đ không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Mộng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Bùi Thị Mộng L đã nộp theo biên lai số 0012460 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà L đã nộp xong).

5. Nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng L, bị đơn ông Võ Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đô